

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH : LUẬT KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH BÁN PHẦN

Mã ngành: 7380107

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh 2025)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4494 /QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **Tiếng Anh bán phần, ngành Luật kinh tế**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **ECONOMIC LAW**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Luật kinh tế**
- Mã ngành: **7380107**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng năm 2024**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Chương trình đào tạo trình độ đại học tiếng Anh bán phần ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học trong lĩnh vực Luật Kinh tế ở cấp độ nâng cao hơn so với chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật Kinh tế chính quy chuẩn. Chương trình hướng tới rèn luyện người học có phẩm chất chính trị, kiến thức toàn diện, năng lực tư duy pháp lý độc lập, hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cần thiết cùng với năng lực sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh thành thạo, thái độ tích cực, năng lực chủ động thích ứng với các môi trường làm việc, kỹ năng nghiên cứu, thực hành pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng từ đó người học có thể chủ động gia nhập, thích ứng với môi trường làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và ra quyết định giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

PO1. Cung cấp cho người học hệ thống tri thức khoa học xã hội; kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin cần thiết, năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ cho việc hoàn thành các công việc theo vị trí việc làm thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.

PO2. Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và hội nhập thuộc các lĩnh vực Luật Kinh tế và thực tiễn pháp lý Việt Nam, từ đó góp phần rèn luyện năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh tế một cách chủ động, độc lập, sáng tạo.

PO3. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng nghiên cứu, thực hành pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng; năng lực ra quyết định độc lập dựa trên sự vận dụng kiến thức chuyên môn nâng cao để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể thuộc lĩnh vực ngành Luật Kinh; thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học bằng các công trình khoa học phù hợp với quy định của Trường đối với sinh viên theo học chương trình tiếng Anh bán phần.

PO4. Hình thành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, kỹ năng hỗ trợ cần thiết để vận dụng vào giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế; tham gia góp ý, phản biện, hoàn thiện chính sách, pháp luật kinh tế.

PO5. Rèn luyện năng lực chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện và nâng cao giá trị đạo đức cá nhân phấn đấu trở thành con người toàn diện trong cuộc sống, học tập cũng như trong môi trường làm việc; có ý thức thực hiện kinh doanh có trách nhiệm trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Ngành Luật Kinh tế Chất lượng cao của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng:

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIn)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, kinh tế và vận dụng được vào trong quá trình học tập, nghiên cứu lĩnh vực khoa học	3	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
		luật kinh tế cũng như trong cuộc sống và thực tiễn nghề nghiệp.		
	PI 1.1	Sử dụng được những kiến thức khoa học xã hội, chính trị, kinh trong quá trình học tập, nghiên cứu lĩnh vực khoa học luật kinh tế.	3	
	PI 1.2	Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, kinh tế vào đề lập luận, phân tích, đánh giá, giải thích các vấn đề thuộc phạm vi lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy pháp lý, tư duy phản biện trong giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.	3	
	PI 2.1	Sử dụng được các quy luật của tư duy pháp lý, tư duy phản biện thông qua quá trình lập luận, phán đoán dựa trên quy định pháp luật và thực tiễn kinh doanh.	3	
	PI 2.2	Xác định được các vấn đề pháp lý phát sinh trong các tình huống pháp lý, từ đó lựa chọn và đưa ra các quyết định hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.	3	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong môi trường làm việc thường xuyên biến đổi và quốc tế hóa nhanh chóng.	4	
	PI 3.1	Biết thiết lập nhóm, xây dựng kế hoạch triển khai hoàn thành công việc, ứng xử phù hợp, phát huy được tinh thần trách nhiệm cá nhân trong nhóm.	4	
	PI 3.2	Sử dụng thành thạo các kỹ năng truyền đạt hiệu quả trong môi	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
		trường học tập, môi trường làm việc cũng như môi trường quốc tế.		
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	3	
	PI 4.1	Thực hiện được việc tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	3	
	PI 4.2	Chủ động trong học tập, thực hiện nghiên cứu và thích ứng cá nhân đáp ứng được yêu cầu học tập suốt đời.	3	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ chuẩn mực, chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng.	4	
	PI 5.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong thực hiện hoạt động nghề nghiệp.	4	
	PI 5.2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử và quản lý tình huống trong môi trường học tập và môi trường nghề nghiệp.	4	
	PI 5.3	Thực hiện trách nhiệm xã hội một cách chủ động thông qua các đóng góp vào việc kiến tạo, bảo vệ công lý cho bản thân, cộng đồng xã hội.	4	
PLO6		Vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng, chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.	4	
	PI 6.1	Sử dụng linh hoạt, phù hợp kiến thức cơ bản để giải quyết các vấn đề chuyên môn thực lĩnh vực pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng.	4	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	PI 6.2	Vận dụng được kiến thức pháp lý chuyên sâu và thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống pháp lý thuộc lĩnh vực luật kinh tế và liên ngành.	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành.	4	
	PI 7.1	Định hình giải pháp cho các tình huống pháp lý cụ thể dựa trên quy định pháp luật và các bằng chứng thực tiễn phát sinh trong hoạt động kinh doanh.	4	
	PI 7.2	Lựa chọn giải pháp hợp lý, phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các bên liên quan trong các tình huống pháp lý cụ thể.	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 8.1	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và xu hướng thay đổi của hoạt động nghề nghiệp lĩnh vực pháp luật kinh tế.	4	
	PI 8.2	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến xu hướng phát triển nghề nghiệp và hoạt động chuyên môn.	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	4	
	PI 09.1	Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp.	4	
	PI 09.2	Sử dụng thành thạo tiếng Anh thành thực hiện các hoạt động	4	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PI _n)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
		chuyên môn và cập nhật kiến thức pháp luật.		
PLO10		Có kiến thức công nghệ thông tin và vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 10.1	Sử dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin vào trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	4	
	PI 10.2	Ứng dụng được các phần mềm công nghệ thông tin phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.	4	
PLO11		Có kiến thức hệ thống, toàn diện, hiện đại trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và vận dụng được vào trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	5	
	PI 11.1	Vận dụng pháp luật kinh tế trong phân tích, đánh giá hoặc đưa ra các khuyến nghị, tư vấn trong thực tiễn kinh doanh.	5	
	PI 11.2	Sử dụng kiến thức pháp luật kinh tế trong tư vấn, đánh giá, phân biện chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.	5	
	PI 11.3	Dự liệu được các rủi ro pháp lý thông qua vận dụng kiến thức pháp luật liên ngành trong học tập và hoạt động chuyên môn.	5	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		(Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu chung:												
Chương trình đào tạo trình độ đại học tiếng Anh bán phần ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học trong lĩnh vực Luật Kinh tế ở cấp độ nâng cao hơn so với chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật Kinh tế chính quy chuẩn. Chương trình hướng tới rèn luyện người học có phẩm chất chính trị, kiến thức toàn diện, năng lực tư duy pháp lý độc lập, hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cần thiết cùng với năng lực sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh thành thạo, thái độ tích cực, năng lực chủ động thích ứng với các môi trường làm việc, kỹ năng nghiên cứu, thực hành pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng từ đó người học có thể chủ động gia nhập, thích ứng với môi trường làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và ra quyết định giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Cung cấp cho người học hệ thống tri thức khoa học xã hội; kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin cần thiết, năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ cho việc hoàn thành các công việc theo vị trí việc làm thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.	X	X							X		
PO2	Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và hội nhập thuộc các lĩnh vực Luật Kinh tế và thực tiễn pháp lý Việt Nam, từ đó góp phần rèn luyện năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh tế một cách chủ động, độc lập, sáng tạo.						X	X				X
PO3	Rèn luyện cho người học năng lực tư duy		X				X	X				

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	pháp lý, kỹ năng nghiên cứu, thực hành pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng; năng lực ra quyết định độc lập dựa trên sự vận dụng kiến thức chuyên môn nâng cao để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể thuộc lĩnh vực ngành Luật Kinh; thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học bằng các công trình khoa học phù hợp với quy định của Trường đối với sinh viên theo học chương trình tiếng Anh bán phần.											
PO4	Hình thành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, kỹ năng hỗ trợ cần thiết để vận dụng vào giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế; tham gia góp ý, phản biện, hoàn thiện chính sách, pháp luật kinh tế.			X					X		X	
PO5	Rèn luyện năng lực chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện và nâng cao giá trị đạo đức cá nhân phần đầu trở thành con người toàn diện trong cuộc sống, học tập cũng như trong môi trường làm việc; có ý thức thực hiện kinh doanh có trách nhiệm trong nền kinh tế thị trường định hướng				X	X			X			

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.											

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.

PO	PLO	PI
PO1. Cung cấp cho người học hệ thống tri thức khoa học xã hội; kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin cần thiết, năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ cho việc hoàn thành các công việc theo vị trí việc làm thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.	PLO1. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, kinh tế và vận dụng được vào trong quá trình học tập, nghiên cứu lĩnh vực khoa học luật kinh tế cũng như trong cuộc sống và thực tiễn nghề nghiệp.	PI.1.1. Sử dụng được những kiến thức khoa học xã hội, chính trị, kinh tế trong quá trình học tập, nghiên cứu lĩnh vực khoa học luật kinh tế.
		PI.1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, kinh tế vào để lập luận, phân tích, đánh giá, giải thích các vấn đề thuộc phạm vi lĩnh vực nghề nghiệp.
	PLO2. Có khả năng vận dụng tư duy pháp lý, tư duy phản biện trong giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.	PI.2.1. Sử dụng được các quy luật của tư duy pháp lý, tư duy phản biện thông qua quá trình lập luận, phán đoán dựa trên quy định pháp luật và thực tiễn kinh doanh.
		PI.2.2. Xác định được các vấn đề pháp lý phát sinh trong các tình huống pháp lý, từ đó lựa chọn và đưa ra các quyết định hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.
	PLO9. Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương	PI.9.1. Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh

	chuẩn trình độ trung cấp bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	trong giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp.
		PI.9.2. Sử dụng thành thạo tiếng Anh thành thực hiện các hoạt động chuyên môn và cập nhật kiến thức pháp luật.
PO2. Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và hội nhập thuộc các lĩnh vực Luật Kinh tế và thực tiễn pháp lý Việt Nam, từ đó góp phần rèn luyện năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh tế một cách chủ động, độc lập, sáng tạo.	PLO6. Vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng, chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.	PI.6.1. Sử dụng linh hoạt, phù hợp kiến thức cơ bản để giải quyết các vấn đề chuyên môn thực lĩnh vực pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng.
		PI.6.2. Vận dụng được kiến thức pháp lý chuyên sâu và thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống pháp lý thuộc lĩnh vực luật kinh tế và liên ngành.
	PLO7. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành.	PI.7.1. Định hình giải pháp cho các tình huống pháp lý cụ thể dựa trên quy định pháp luật và các bằng chứng thực tiễn phát sinh trong hoạt động kinh doanh.
		PI.7.2. Lựa chọn giải pháp hợp lý, phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các bên liên quan trong các tình huống pháp lý cụ thể.
	PLO11. Có kiến thức hệ thống, toàn diện, hiện đại trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và vận dụng được vào trong học tập	PI.11.1. Vận dụng pháp luật kinh tế trong phân tích, đánh giá hoặc đưa ra các khuyến nghị, tư

	và hoạt động nghề nghiệp.	vấn trong thực tiễn kinh doanh.
		PI.11.2. Sử dụng kiến thức pháp luật kinh tế trong tư vấn, đánh giá, phản biện chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
		PI.11.3. Dự liệu được các rủi ro pháp lý thông qua vận dụng kiến thức pháp luật liên ngành trong học tập và hoạt động chuyên môn.
PO3. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng nghiên cứu, thực hành pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng; năng lực ra quyết định độc lập dựa trên sự vận dụng kiến thức chuyên môn nâng cao để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể thuộc lĩnh vực ngành Luật Kinh; thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học bằng các công trình khoa học phù hợp với quy định của Trường đối với sinh viên theo học chương trình tiếng Anh bán phần.	PLO2. Có khả năng vận dụng tư duy pháp lý, tư duy phản biện trong giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.	PI.2.1. Sử dụng được các quy luật của tư duy pháp lý, tư duy phản biện thông qua quá trình lập luận, phán đoán dựa trên quy định pháp luật và thực tiễn kinh doanh.
		PI.2.2. Xác định được các vấn đề pháp lý phát sinh trong các tình huống pháp lý, từ đó lựa chọn và đưa ra các quyết định hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.
	PLO6. Vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng,	PI.6.1. Sử dụng linh hoạt, phù hợp kiến thức

	chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.	cơ bản để giải quyết các vấn đề chuyên môn thực lĩnh vực pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng.
		PI.6.2. Vận dụng được kiến thức pháp lý chuyên sâu và thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống pháp lý thuộc lĩnh vực luật kinh tế và liên ngành.
	PLO7. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành.	PI.7.1. Định hình giải pháp cho các tình huống pháp lý cụ thể dựa trên quy định pháp luật và các bằng chứng thực tiễn phát sinh trong hoạt động kinh doanh.
		PI.7.2. Ra quyết định, lựa chọn giải pháp hợp lý, phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các bên liên quan trong các tình huống pháp lý cụ thể.
PO4. Hình thành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, kỹ năng hỗ trợ cần thiết để vận dụng vào giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế; tham gia góp ý, phản biện, hoàn thiện chính sách, pháp luật kinh tế.	PLO3. Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong môi trường làm việc thường xuyên biến đổi và quốc tế hóa nhanh chóng.	PI.3.1. Biết thiết lập nhóm, xây dựng kế hoạch triển khai hoàn thành công việc, ứng xử phù hợp, phát huy được tinh thần trách nhiệm cá nhân trong nhóm.
		PI.3.2. Sử dụng thành thạo các kỹ năng truyền đạt hiệu quả trong môi trường học tập, môi trường làm việc cũng như môi trường quốc tế.
	PLO8. Có khả năng thích ứng với xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI.8.1. Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và xu hướng thay đổi của hoạt động

		nghe nghiệp lĩnh vực pháp luật kinh tế.
		PI.8.2. Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan xu hướng phát triển nghề nghiệp và hoạt động chuyên môn.
	PLO10. Có kiến thức công nghệ thông tin và vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI.10.1. Sử dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin vào trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.
		PI.10.2. Ứng dụng được các phần mềm công nghệ thông tin phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.
PO5. Rèn luyện năng lực chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện và nâng cao giá trị đạo đức cá nhân phần đầu trở thành con người toàn diện trong cuộc sống, học tập cũng như trong môi trường làm việc; có ý thức thực hiện kinh doanh có trách nhiệm trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	PLO4. Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	PI.4.1. Thực hiện được việc tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
		PI.4.2. Chủ động trong học tập, thực hiện nghiên cứu và thích ứng cá nhân đáp ứng được yêu cầu học tập suốt đời.
	PLO5. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ chuẩn mực, chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng.	PI.5.1. Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.						X	X				
Kỹ năng:												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.			X					X			X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									X
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			X	X							

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế tiếng Anh bán phần không chỉ có năng lực giải quyết các vấn đề pháp lý ở khía cạnh chung nhất, mà còn có khả năng giải quyết các vấn đề pháp lý chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế. Các vị trí công việc mà người tốt nghiệp cử nhân ngành luật Kinh tế tiếng Anh bán phần có thể đảm nhận:

- (1) Chuyên viên trong các cơ quan nhà nước từ trung ương tới địa phương;
- (2) Chuyên viên pháp lý tại các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế có hoạt động liên quan đến pháp luật;
- (3) Chuyên viên pháp chế, chuyên viên nhân sự và các vị trí việc làm khác có liên quan đến pháp luật tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế;
- (4) Hành nghề luật độc lập hoặc làm việc các tổ chức hành nghề luật chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực Luật Kinh tế như đầu tư, kinh doanh quốc tế, thương mại xuyên biên giới; thực hiện hoạt động khởi nghiệp kinh doanh.
- (5) Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, các viện nghiên cứu.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế tiếng Anh bán phần có thể tham dự các khóa học chuyên môn nghề nghiệp để nhận chứng chỉ bồi dưỡng và tham gia vào hoạt động nghề nghiệp cũng như được cấp chứng chỉ hành nghề luật chuyên nghiệp. Ngoài ra, người tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành

Luật Kinh tế tiếng Anh bán phần cũng có thể tiếp tục học chương trình sau đại học các chuyên ngành Luật và các chuyên ngành có liên quan khác ở trong và ngoài nước.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 124 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng an ninh (08 tín chỉ). Các học phần trong chương trình đào tạo được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ toàn chương trình đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thí sinh đăng ký tuyển sinh/xét tuyển vào chương trình đại học chính quy Luật trong đợt tuyển sinh đại học chính quy hằng năm.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

Chương trình trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có tham khảo chương trình của một số trường đại học uy tín ở Việt Nam và nước ngoài.

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

- Đại học Thammasat Vương quốc Thái Lan: Chương trình ngành Luật
- Đại học Quốc gia Singapore – đại học đứng thứ hai trong top các trường Đại học hàng đầu Châu Á, đào tạo song bằng Kinh tế và Luật, Luật và Khoa học đời sống, Quản trị Kinh doanh và Luật

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Chương trình chất lượng cao ngành Luật Kinh tế
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Chương trình chất lượng cao ngành Luật định hướng Luật Thương mại – Dân sự - Quốc tế

- Trường Đại học Kinh tế - Luật Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh:
Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật Kinh tế

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Luật, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- Phương pháp Thuyết giảng (Lecture)
- Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture)
- Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion)
- Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm (Group work/learning)
- Giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method)
- Giảng dạy bằng cách học khám phá (Inquiry-based or inquiry-guided learning)
- Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning)
- Giảng dạy thông qua đóng vai (Role plays)
- Giảng dạy thông qua học tập phục vụ cộng đồng kèm quá trình phản ánh (Service-learning with reflection)

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT. Cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thuyết giảng	X					X		X			X
2	Bài giảng tương tác		X			X				X	X	
3	Thảo luận có định hướng	X						X	X			
4	Làm việc/học tập theo nhóm			X	X					X		

5	Thông qua tình huống điển hình	X	X			X						X
6	Học khám phá			X	X			X	X			
7	Học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề				X		X				X	X
8	Thông qua đóng vai			X	X		X	X				
9	Thông qua phục vụ cộng đồng					X		X				X

11.2. Đánh giá kết quả học tập: Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	12	9	3	27	21	6	26,7%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	33	27	6	97	85	12	73,3%
2.1	Cơ sở ngành	9	9	0	26	26	0	20%
2.2	Ngành:	11	8	3	30	24	6	24,4%
2.3	Chuyên ngành:	13	10	3	41	35	6	28,9%
	Tổng cộng	45	36	9	124	106	18	100%

x	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

12.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 12 học phần, 27 TC								
Học phần bắt buộc: 13TC								
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist phylosophy	3	3	0	0	không	1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	2	2	0	0	không	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2	2	0	0	không	3
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	MLM306	4
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	0	MLM306	3
6	MLM305	Logic học	2	2	0	0	không	1
Học phần tự chọn kiến thức đại cương: 2 TC, chọn 1 trong 2 học phần								
7	MAG709	Tư duy phản biện	2	2	0	0	không	1
8	LAW786	Pháp luật về phòng chống tham nhũng trong kinh doanh	2	2	0	0	Không	1
Học phần bắt buộc kiến thức pháp luật: 8 TC								
9	LAW332	Nhập môn ngành luật/ Introduction of Law	2	2	0	0	Không	1
10	LAW701	Phương pháp NCKH pháp lý/Legal Research Methodolody	3	3	0	0	LAW301	2
11	LAW350	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	3	3	0	0	Không	1
Học phần tự chọn kiến thức đại cương pháp luật: 4TC, chọn 2 trong 3 học phần								
12	SOC303	Tâm lý học	2	2	0	0	không	1
13	LAW788	Thế chế pháp luật trong vận hành nền kinh tế số	2	2	0	0	Không	3
14	LAW787	Quyền con người trong hoạt động kinh doanh	2	2	0	0	Không	3
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành: 9 học phần 26 TC								
15	INE723	Microeconomics/Kinh tế học vi mô	3	3	0	0	không	1

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
16	INE705	Macroeconomics/Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	0	không	2
17	LAW302	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	3	3	0	0	LAW350	1
18	LAW308	Luật Hành chính/ Administrative Law	3	3	0	0	LAW350	2
19	LAW309	Luật Hình sự/ Criminal Law	3	3	0	0	LAW350	2
20	LAW306	Luật dân sự 1/ Civil Law 1	3	3	0	0	LAW350	2
21	LAW333	Công pháp quốc tế/ Internationnal public law	2	2	0	0	LAW302	3
22	LAW774	International private law/Tư pháp quốc tế	3	3	0	0	LAW333	6
23	ITS301	Tin học ứng dụng / Applied Informatics	3	3	0	0	Chứng chỉ công nghệ thông tin nâng cao	5
Học phần khối kiến thức ngành: 8 học phần, 24TC								
24	LAW769	Commerce Law 1/Luật thương mại 1	3	3	0	0	LAW306	4
25	LAW336	Luật Đất đai/Land Law	3	3	0	0	LAW 754	4
26	LAW776	Labour law/Luật Lao động	3	3	0	0	LAW754	4
27	LAW771	Competition Law/Luật cạnh tranh	3	3	0	0	LAW770	6
28	LAW772	Environmental Law/ Luật Môi trường	3	3	0	0	LAW776	6
29	LAW754	Civil Law 2/Luật dân sự 2	3	3	0	0	LAW306	3
30	LAW321	Luật tố tụng dân sự/ Civil Procedure Law	3	3	0	0	LAW754	6
31	LAW339	Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law	3	3	0	0	LAW309	6
Tự chọn kiến thức ngành: 6TC (Chọn 3 trong 5 học phần)								
32	LAW758	Family and marital law / Luật hôn nhân và gia đình	2	2	0	0	LAW769	5/6/7
33	LAW768	Corporate finance law / Pháp luật tài chính doanh nghiệp	2	2	0	0	LAW770	5/6/7
34	LAW767	Lawyer-in-house / Pháp chế Doanh nghiệp	2	2	0	0	LAW309	5/6/7

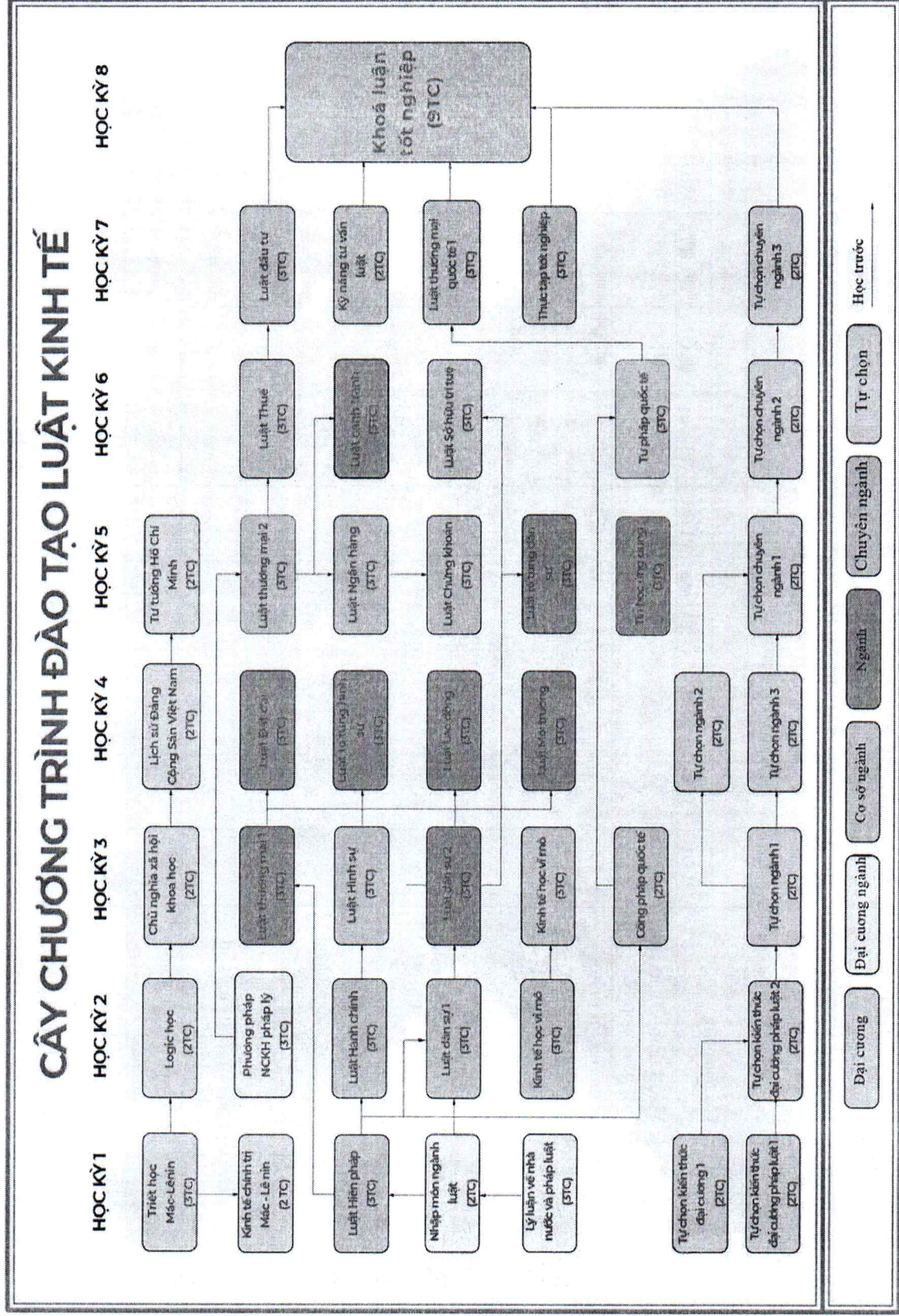
TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
35	LAW766	Skills of legal consulting in governing Companies / Kỹ năng tư vấn pháp luật trong quản trị công ty	2	2	0	0	LAW754	5/6/7
36	LAW759	Documentary draft / Soạn thảo văn bản	2	2	0	0	LAW308	4
Học phần khối kiến thức chuyên ngành: 41 TC								
Học phần bắt buộc: 10 HP - 35 TC								
37	LAW770	Commerce Law 2/Luật thương mại 2	3	3	0	0	LAW769	5
38	LAW755	Banking Law / Luật Ngân hàng	3	3	0	0	LAW770	6
39	LAW757	Securities Law / Luật chứng khoán	3	3	0	0	LAW770	6
40	LAW761	Tax Law / Luật Thuế	3	3	0	0	LAW770	6
41	LAW763	International Commerce Law 1/Luật Thương mại quốc tế 1	3	3	0	0	LAW770	7
42	LAW775	Investment law/Luật đầu tư	3	2	0	0	LAW769	8
43	LAW756	Intellectual Property Law / Luật Sở hữu trí tuệ	3	3	0	0	LAW302	6
44	LAW777	Legal consulting Skills/Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	2	0	0	LAW321	7
45	LAW778	Bachelor internship/Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	3	Quy chế ĐT	7
46	LAW753	Dissertations on Economic Law/Khoá luận tốt nghiệp	9	0	0	9	Quy chế ĐT	8
Học phần tự chọn kiến thức chuyên ngành: 6TC (Chọn 3 trong 5 học phần)								
47	LAW764	International Commerce Law 2/Luật Thương mại quốc tế 2	2	2	0	0	LAW763	7/8
48	LAW 762	Secured transactions in credit granting activities / Giao dịch bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng	2	2	0	0	LAW763	7/8
49	LAW765	International Investment Law/Pháp luật Đầu tư quốc tế	2	3	0	0	LAW762	7/8
50	LAW760	Business Disputes Resolution Skills / Kỹ	2	2	0	0	Không	7/8

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
		năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh						
51	LAW773	Insurance business Law/Luật kinh doanh bảo hiểm	2	2	0	0	LAW769	78
Tổng số tín của chương trình đào tạo			124					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			106					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			18					

12.3. Tiến độ giảng dạy theo học kì:

Họ c ký	T T	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Bắt buộc (BB)/T ự chọn (TC)	Mã học phần trước	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3	BB	Không	Tiếng Việt
	2	LAW332	Nhập môn ngành luật/ Introduction of Law	2	BB	Không	Tiếng Việt
	3	LAW350	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	3	BB	Không	Tiếng Việt
	4	LAW302	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	3	BB	Không	Tiếng Việt
	5	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	2	TC	Không	Tiếng Việt
	6		Tự chọn kiến thức đại cương 1	2	TC	Không	Tiếng Việt
	7		Tự chọn kiến thức đại cương pháp luật 1	2	TC	Không	Tiếng Việt
			Tổng số tín chỉ trong học kỳ	17			
2	1	INE723	Microeconomics/Kinh tế học vi mô	3	BB	Không	Tiếng Anh
	2	MLM305	Logic học	2	BB	Không	Tiếng Việt
	3	LAW701	Phương pháp NCKH pháp lý/Legal Research Methodolody	3	BB	LAW301	Tiếng Việt
	4	LAW308	Luật Hành chính/ Administrative Law	3	BB	LAW301	Tiếng Việt
	5	LAW306	Luật dân sự 1/ Civil Law 1	3	BB	LAW301	Tiếng Việt
	6		Tự chọn kiến thức đại cương pháp luật 2	2	TC	Không	Tiếng Việt
			Tổng số tín chỉ trong kỳ	16			
3	1	INE705	Macroeconomics/Kinh tế học vĩ mô	3	BB	Không	Tiếng Anh
	2	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2	BB	Không	Tiếng Việt
	3	LAW769	Commerce Law 1/Luật thương mại 1	3	BB	LAW306	Tiếng Anh
	4	LAW754	Civil Law 2/Luật dân sự 2	3	BB	LAW306	Tiếng Anh
	5	LAW309	Luật Hình sự/ Criminal Law	3	BB	LAW301	Tiếng Việt
	6	LAW333	Công pháp quốc tế/ Internationnal public law	2	BB	LAW302	Tiếng Việt
	7		Tự chọn ngành 1	2	BB		Tiếng Việt
			Tổng số tín chỉ trong kỳ	18			

14. Cây Chương trình đào tạo



15. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) -File đính kèm

15.1 ma trận học phần và PLO

TT	Học kỳ	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1	1	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	2			2	2						
2	1	Nhập môn ngành luật/ Introduction of Law	2		2	3							
3	1	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	2	3	3								
4	1	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	2		2			2					
5	1	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	2			2	2						
6	1	Tư duy phản biện		2		2				3			
7	1	Pháp luật về phòng chống tham nhũng trong kinh doanh		2		2				3			
8	1/2	Tâm lý học		3					3	4			
9	1/2	Thế chế pháp luật trong vận hành nền kinh tế số		3					3	4			
10	1/2	Quyền con người trong kinh doanh		3					3	4			
11	2	Microeconomics/Kinh tế học vi mô	3	3		2							
12	2	Logic học	2			2	2						

13	2	Phương pháp NCKH pháp lý/Legal Research Methodology	3				3										
14	2	Luật Hành chính/ Administrative Law	3					2					3				
15	2	Luật dân sự 1/ Civil Law 1	2						3								
16	3	Macroeconomics/Kinh tế học vĩ mô	3		3		2										
17		Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2				2										
18		Commerce Law 1/Luật thương mại 1			2			3									3
19		Civil Law 2 / Luật dân sự 2								3							
20		Luật Hình sự/ Criminal Law											3				4
21		Công pháp quốc tế/ International public law	2										3	4			
22	3/4	Family and marital law / Luật hôn nhân và gia đình			3								4				4
23	3/4	Corporate finance law / Pháp luật tài chính doanh nghiệp			3								4				4
24	3/4	Lawyer-in-house / Pháp chế Doanh nghiệp			3								4				4
25	3/4	Skills of legal consulting in governing Companies / Kỹ năng tư vấn pháp luật trong quản trị công ty			3								4				4
26	3/4	Documentary draft / Soạn thảo văn bản			3								4				4
27	4	Luật Đất đai/Land Law				3								3			
28	4	Labour Law / Luật Lao động															
29	4	Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law			3		3				3						4

30	4	Environmental Law / Luật Môi trường								3								3
31	4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2				2	2										
32	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	2				2	2										
33	5	Luật tổ tụng dân sự/ Civil Procedure Law												4				4
34	5	Commerce Law 2/Luật thương mại 2		3							3	3						
35	5	Banking Law / Luật Ngân hàng									3	3						4
36	5	Securities Law / Luật chứng khoán					3				4							
37	1	Tin học ứng dụng / Applied Formatics															4	
38	7	International Commerce Law 2/Luật Thương mại quốc tế 2											4	4				4
39	5/6/7	Secured transactions in credit granting activities / Giao dịch bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng											4	4				4
40	5/6/7	International Investment Law/Luật Đầu tư quốc tế											4	4				4
41	5/6/7	Business Disputes Resolution Skills / Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh											4	4				4
42	5/6/7	Insurance business Law/Luật kinh doanh bảo hiểm												4	4			4
43	6	International private law/Tư pháp quốc tế									2							4
44	6	Tax Law / Luật Thuế									3						4	4

[illegible]

Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp																				
	Mức 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 2	11	3	2	10	7	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 3	5	14	2	5	6	11	13	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3
	Mức 4	0	0	0	0	0	9	2	13	5	1	21	0	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Học phần đóng góp																			
	Học phần đánh giá PI																			
	Học phần đánh giá PLO	16	17	4	15	13	22	16	20	5	1	24								

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin /Marxist-Leninist philosophy	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thể giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam/ History Of Vietnamese Communist Party	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn
6	MLM305	Logic học/ logics	Logic học là môn học thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng để cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về các hình thức và quy luật của tư duy. Môn học giúp nâng cao khả năng tư duy của người học; giúp nhận ra và tránh nguy biện, biết cách định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, biết cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề.
7	MAG709	Tư duy phản biện	Tư duy phản biện là môn học thuộc kiến thức đại cương, đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc định hình cách thức tư duy của sinh viên Khoa Quản trị

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			kinh doanh nói riêng và sinh viên trường đại học ngân hàng nói chung. , Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về khái niệm, nguyên lý và quy tắc nền tảng.
8	ITS301	Tin học ứng dụng	Môn học trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên các khối ngành của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu, và công việc sau này. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng nâng cao, sử dụng được các phần mềm MS Excel, SPSS để giải một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, tổ chức và trình bày dữ liệu báo cáo, thống kê và phân tích dữ liệu.
9	LAW786	Pháp luật về phòng chống tham nhũng trong kinh doanh	Môn học "Pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong kinh doanh" cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các quy định pháp luật liên quan đến phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam và quốc tế. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: khái quát về tham nhũng và tác động đến kinh doanh; hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng bao gồm phân tích các quy định pháp luật Việt Nam và các hiệp định quốc tế; các biện pháp tuân thủ pháp luật và trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng và các cơ chế quản trị nội bộ, xây dựng văn

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			hóa doanh nghiệp minh bạch, và áp dụng các mô hình phòng chống tham nhũng hiệu quả.
10	LAW332	Nhập môn ngành luật/ Introduction of Law	Môn học cung cấp những quan niệm cơ bản về pháp luật, giá trị pháp luật với đời sống xã hội, về đào tạo luật, chức danh công việc pháp luật tại Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nền tảng lý thuyết cơ bản về pháp luật, nghề nghiệp pháp luật, đạo đức của người hành nghề pháp luật. Ngoài ra, sinh viên sẽ tích lũy các kỹ năng, phương pháp tư duy pháp lý.
11	LAW701	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý/ Legal Research Methodology	Môn học cung cấp cho người các kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho người học nhận nhận về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý trong hệ thống khoa học xã hội. Từ các kiến thức nền tảng đã được trang bị, người học có thể ứng dụng vào việc thực hiện các hoạt động khoa học pháp lý trong suốt thời gian theo học ở Trường với nhiều cấp độ nghiên cứu khoa học pháp lý khác nhau.
12	LAW350	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	Môn học nghiên cứu về những vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật; những khái niệm cơ bản nhất của pháp luật; và giới thiệu về hệ thống pháp luật cùng một số ngành luật. Kết thúc môn học sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, cũng như hiểu được cách vận hành của hệ thống pháp luật từ đó có tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ pháp luật trong công việc và cuộc sống.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
13	LAW788	Thế chế pháp luật trong vận hành nền kinh tế số	Thế chế pháp luật trong vận hành nền kinh tế số là học phần tự chọn trong khối kiến thức đại cương pháp luật của Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế tiếng Anh bán phần. Học phần cung cấp cho người học các nền tảng lý thuyết về thể chế, thể chế pháp lý trong nền kinh tế và kinh tế số. Trên cơ sở các kiến thức được học, người học có thể vận dụng vào thực tiễn thiết lập và vận hành các thể chế pháp luật trong nền kinh tế số hướng tới mục tiêu phát triển an toàn, bền vững nền kinh tế trong bối cảnh các nền tảng công nghệ trong kinh doanh không ngừng phát triển và kéo theo các rủi ro pháp lý cũng không ngừng tăng lên. - Quyền con người trong hoạt động kinh doanh là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, giành cho chương trình đại học luật hệ chính qui. Môn học hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về quyền con người, quyền con người trong hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ của nhà nước, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền con người trong kinh doanh; (ii) từ kiến thức đã được trang bị, người học có được nền tảng lý thuyết và thực tiễn về quyền con người và vận dụng vào trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng quyền con người, trách nhiệm xã hội và cộng đồng. - Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học các nội dung về quyền con người trong hoạt động kinh doanh dưới cả kiến thức khoa học và pháp luật, bao gồm: Tổng quan về quyền con người, tác động của quyền
14	LAW787	Quyền con người trong hoạt động kinh doanh	- Quyền con người trong hoạt động kinh doanh là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, giành cho chương trình đại học luật hệ chính qui. Môn học hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về quyền con người, quyền con người trong hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ của nhà nước, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền con người trong kinh doanh; (ii) từ kiến thức đã được trang bị, người học có được nền tảng lý thuyết và thực tiễn về quyền con người và vận dụng vào trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng quyền con người, trách nhiệm xã hội và cộng đồng. - Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học các nội dung về quyền con người trong hoạt động kinh doanh dưới cả kiến thức khoa học và pháp luật, bao gồm: Tổng quan về quyền con người, tác động của quyền

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			con người trong kinh doanh; các thiết chế bảo vệ quyền con người trong kinh doanh và xử lý các vi phạm quyền con người phát sinh trong kinh doanh. Trên cơ sở đó, người học đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đối với quyền con người và chính sách bảo vệ quyền con người trong hoạt động kinh doanh từ phía Nhà nước và xã hội.
15	SOC303	Tâm lý học	Tâm lý học là môn khoa học xã hội học thuộc giai đoạn đại cương, nghiên cứu các hiện tượng tinh thần của con người như: bản chất tâm lý người, các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức, các quá trình nhận thức, đời sống tình cảm và ý chí, nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách của con người.
16	MES302	Microeconomics/Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp.
17	MES303	Macroeconomics/Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở
18	LAW302	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	Luật Hiến pháp là ngành luật cơ bản, giữ vai trò chủ đạo, quan trọng trong hệ thống pháp luật, nó là cơ sở, nguyên tắc cho các ngành luật khác. Môn học Luật Hiến pháp là môn học cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân luật học, cung cấp những kiến thức lý luận nền tảng về hoạt động tổ chức quyền lực nhà nước, bao gồm các nội dung chính: Nguồn gốc và bản chất của quyền lực nhà nước; quy định cơ bản về các chế độ xã hội: chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chế độ văn hóa, chế độ an ninh-quốc phòng...; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc tổ chức quyền lực nhà nước; các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, các tổ chức, các cá nhân trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Môn học quy định các nguyên tắc chủ đạo; nền tảng kiến thức cơ bản về hoạt động tổ chức quyền lực nhà nước cho các môn học liên quan đến nhà nước và pháp luật - những kiến thức cơ bản mà sinh viên luật phải nắm vững trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp sau này.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
19	LAW308	Luật Hành chính/ Administrative Law	Luật hành chính là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về quản lý hành chính nhà nước; hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính; các biện pháp xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định xử phạt hành chính và các biện pháp giám sát, kiểm soát hoạt động của chủ thể quản lý hành chính nhà nước. Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật. Luật hình sự cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về ngành Luật hình sự, những vấn đề lý luận về tội phạm và hình phạt; định tội danh và xác định khung hình phạt. Từ đó, giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của Luật hình sự trong việc xác lập những vấn đề mang tính nền tảng nhằm tạo nền tảng cho sinh viên trong kỹ năng phát hiện vấn đề và giải quyết vụ án. Nội dung môn học trình bày các quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự, Đạo luật hình sự Việt Nam, Tội phạm, Cấu thành tội phạm, Khách thể của tội phạm, Mặt khách quan của tội phạm, Chủ thể của tội phạm, Mặt chủ quan của tội phạm, Các giai đoạn thực hiện tội phạm, Đồng phạm, Các tình tiết loại trừ tính chất phạm tội của hành vi, Trách nhiệm hình sự và hình phạt, Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp, Quyết định hình phạt....
20	LAW309	Luật Hình sự/ Criminal Law	
21	LAW306	Luật dân sự 1/ Civil Law I	Luật Dân sự 1 là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về những vấn đề chung của luật

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			dân sự như: quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu và những kiến thức chuyên sâu về tài sản, quyền sở hữu tài sản, thừa kế. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức một cách có hệ thống để đánh giá thực tiễn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các quan hệ dân sự.
22	LAW754	Civil Law 2 / Luật dân sự 2	Luật Dân sự 2 là môn học bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành luật kinh tế tại Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và là tiền đề cho các môn học như Luật Lao động, Luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về lý luận và các quy định pháp luật về tài sản; quyền sở hữu; thừa kế; những vấn đề chung về hợp đồng và các hợp đồng dân sự thông dụng. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về thực tiễn xây dựng, ban hành và thực thi quy định pháp luật về tài sản, quyền sở hữu, thừa kế, hợp đồng thông qua các tình huống pháp lý thực tế hoặc các bản án liên quan. Từ đó, sinh viên có cách nhìn toàn diện và đúng đắn về pháp luật dân sự liên quan đến tài sản, quyền sở hữu, thừa kế và hợp đồng.
23	LAW321	Luật Tố tụng dân sự/Civil Procedure Law	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật, là môn học bắt buộc trong giai đoạn chuyên ngành. Luật tố tụng dân sự cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại tòa án. Nội dung môn học trình bày các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân;

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án.
24	LAW339	Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật. Luật tố tụng hình sự cung cấp cho người học những kiến thức như: Thẩm quyền giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; Điều kiện để các cơ quan nhà nước giải quyết vụ án hình sự, Trình tự, thủ tục của tố tụng hình sự - các giai đoạn cụ thể của quá trình tố tụng hình sự bao gồm: khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự, truy tố, xét xử vụ án hình sự và thi hành bản án, quyết định của Tòa án về hình sự. Nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân và hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân,

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			giáo dục mọi người ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.
25	LAW333	Công pháp quốc tế/International public law	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Luật quốc tế như: khái luận chung về Luật quốc tế; quốc gia trong Luật quốc tế; dân cư trong Luật quốc tế; lãnh thổ và biên giới quốc gia; Luật biển quốc tế; Luật ngoại giao và lãnh sự; Luật kinh tế quốc tế; giải quyết tranh chấp trong Luật quốc tế. Đồng thời, môn học còn cung cấp kiến thức thực tiễn về xây dựng, ban hành và thực thi Luật quốc tế giữa các chủ thể luật quốc tế thông qua các tình huống pháp lý liên quan đến nội dung môn học. Từ hệ thống kiến thức trên, sinh viên có tư duy pháp lý thống nhất, toàn diện và đúng đắn về Luật quốc tế theo sự phát triển của quan hệ quốc tế giữa các chủ thể luật quốc tế.
26	LAW774	International private law / Tur pháp quốc tế	Đây là môn học bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, nguyên tắc và cách thức giải quyết các xung đột pháp luật và xung đột về thẩm quyền trong giải quyết những vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, Trọng tài nước ngoài. Trên cơ sở kiến thức nền tảng này, sinh viên có thể nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về giải quyết xung đột pháp luật và xung đột về thẩm quyền trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài cụ thể như sở hữu, thừa kế, hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, hôn nhân và gia đình. Môn học còn cung cấp cho sinh viên

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			kiến thức về thực tiễn xây dựng, ban hành và thực thi về tư pháp quốc tế ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên có cách nhìn toàn diện và hệ thống về tư pháp quốc tế nói riêng và hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.
27	LAW776	Labour Law / Luật Lao động	Luật Lao động (3 tín chỉ) là môn học bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Sinh viên sẽ học môn này sau khi đã học xong môn luật Dân sự 2 (3 tín chỉ). Môn học này cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan quan hệ pháp luật lao động và một số quan hệ pháp luật khác có liên quan như việc làm, học nghề, hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động, của các chủ thể khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ pháp luật lao động, đình công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, sinh viên còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế. Đề từ đó, sinh viên có ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ lợi ích công cộng và có trách nhiệm xã hội; có khả năng học tập suốt đời; có khả năng vận dụng kiến thức xã hội, kinh tế, pháp lý nền tảng một cách hệ thống để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong xã hội.
28	LAW756	Intellectual Property Law / Luật Sở hữu trí tuệ	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ (SHTT) như: các vấn đề lý luận cơ bản về SHTT, phạm vi, đối tượng bảo hộ, cách thức bảo hộ, quyền được bảo hộ, thời hạn bảo hộ... cho tất cả các lĩnh vực của SHTT bao gồm: quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			giống cây trồng mới. Môn học cũng cung cấp kiến thức về quy trình, thủ tục đăng kí các đối tượng của quyền SHTT giúp người học nắm bắt được cơ chế đảm bảo thực thi quyền SHTT trong các quy định pháp luật
29	LAW336	Luật đất đai/ Land Law	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản bao gồm các nội dung chủ yếu như khái niệm ngành Luật Đất đai, các nguyên tắc cơ bản của Luật Đất đai; Khái niệm và nội dung quản lý nhà nước về đất đai, địa vị pháp lý của người sử dụng đất, phân loại đất và thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất; thanh tra và xử lí vi phạm pháp luật về đất đai; tranh chấp đất đai và khiếu nại, tố cáo về đất đai. Bên cạnh đó, môn học cũng hướng đến người học tiếp cận các tình huống thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học. Học phần gồm 5 chương: Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về Pháp luật đất đai; Chương 2. Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Chương 3. Chế định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai và sử dụng các loại đất; Chương 4. Chế định về thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai. Chương 5. Tài chính về đất đai, giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất và quản lý nhà nước về đất đai
30	LAW769	Commerce Law 1 / Luật thương mại 1	Luật thương mại 1 được thiết kế là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi về thương nhân. Thông qua nội dung học phần sẽ giúp người học vận dụng quy định pháp luật thương mại để nhận diện các vấn đề pháp lý, đưa ra các lập luận

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			để nhận xét, đánh giá, xử lý các tình huống pháp lý phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động, quản trị và chấm dứt tư cách thương nhân.
31	LAW770	Commerce Law 2 / Luật thương mại 2	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về các hoạt động thương mại của thương nhân, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, hoạt động trung gian thương mại và xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại khác, trách nhiệm pháp lý và chế tài thương mại được áp dụng đối với các chủ thể tham gia hoạt động thương mại có hành vi vi phạm.
32	LAW755	Banking Law / Luật Ngân hàng	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng nhà nước và các tổ chức tín dụng, về chế độ quản lý ngoại hối, tín dụng, cho thuê tài chính... đồng thời cũng trang bị kỹ năng áp dụng đúng pháp luật để giải quyết những tình huống trong lĩnh vực ngân hàng. Các chủ đề của môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về ngân hàng và hoạt động ngân hàng, địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước, địa vị pháp lý của ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các hoạt động ngân hàng (huy động vốn và cấp tín dụng), chế độ cho vay, bảo lãnh và bao thanh toán, cho thuê tài chính và quản lý ngoại hối.
33	LAW761	Tax Law / Luật thuế	Luật thuế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về thuế và nội dung pháp luật thuế ở Việt Nam. Bên cạnh kiến thức nội dung pháp luật thuế, học phần cũng cung cấp cho

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			người học những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thuế, kiểm soát thất thu thuế ở Việt Nam.
34	LAW757	Securities Law / Luật Chứng Khoán	Môn học cung cấp cho người các kiến thức cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán và điều chỉnh của pháp luật trên cơ sở đó người học có thể nhận diện được cơ chế vận hành và sự điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Từ kiến thức đã được tích lũy, người học có thể chủ động sử dụng quy định của Luật Chứng khoán để tham gia thị trường với các tư cách khác nhau, đồng thời có thể cung cấp các tư vấn pháp luật ở mức độ cơ bản cho các chủ thể tham gia thị trường.
35	LAW771	Competition Law/Luật cạnh tranh	Môn học Pháp luật về cạnh tranh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế của trường Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh. Môn học gồm có những nội dung cơ bản sau: (i) Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và Lý luận pháp luật cạnh tranh; (ii)Pháp luật về thoả thuận hạn chế cạnh tranh; (iii) Pháp luật về lạm dụng vị trí thống lĩnh, lạm dụng vị trí độc quyền; (iv)Pháp luật về tập trung kinh tế; (v) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; (vi) Pháp luật về quản lý Nhà nước về cạnh tranh: Tổ tụng cạnh tranh và xử lý vi phạm về cạnh tranh.
36	LAW772	Environmental Law/ Luật Môi trường	Luật môi trường là môn học thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về giải quyết vấn đề môi trường bằng pháp luật, cung cấp cho người học những kiến thức lí luận chung về luật bảo vệ môi trường, bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên. Vấn đề quy hoạch, chiến lược và nội dung bảo vệ môi trường cũng như đánh giá tác động môi trường chiến lược và tác

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			động môi trường, giấy phép môi trường, trong đó chú trọng vào trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cũng như trách nhiệm của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đặc biệt, môn học tập trung nội dung bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đô thị và nông thông và một số lĩnh vực ngành luật kinh tế hướng đến. Ngoài ra, môn học này cũng cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này. Từ các kiến thức nền tảng đã được trang bị, người học có thể ứng dụng vào việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu về môi trường ở nhiều cấp độ khác nhau. Ngành luật Thương mại quốc tế bao gồm hai học phần Luật Thương mại quốc tế 1 và Luật Thương Mại quốc tế 2. Luật Thương mại quốc tế 1 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo trình độ đại học tiếng Anh bán phần ngành Luật Kinh tế. Nội dung của học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề lý luận về Luật Thương mại quốc tế; Tổ chức Liên Hiệp quốc (UN), Tổ chức Thương mại thế giới và Pháp luật của Tổ
37	LAW762	International Commerce Law 1/Luật Thương mại quốc tế 1	Luật đầu tư là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp cho sinh viên những nội dung kiến thức cơ bản về pháp luật đầu tư trong nền kinh tế thị trường, các hình thức đầu tư; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư; các biện pháp bảo đảm đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ
38	LAW722	Investment law/Luật đầu tư	

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			đầu tư; thủ tục đầu tư, triển khai dự án đầu tư; hoạt động đầu tư kinh doanh với nhà nước và đầu tư ra nước ngoài.
39	LAW787	Legal consulting skills / Kỹ năng tư vấn pháp luật	Kỹ năng tư vấn pháp luật được thiết kế là học phần thay thế tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân luật của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật. Thông qua nội dung học phần sẽ giúp người học tiếp cận và nâng cao nhận thức về hoạt động tư vấn pháp luật, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật chuyên ngành.
40	LAW731	Documentary Draft / Soạn thảo văn bản	Soạn thảo văn bản là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Luật. Nội dung môn học về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, cách sử dụng ngôn ngữ trong văn bản hành chính, quy trình soạn thảo văn bản. Kết thúc môn học, Sinh viên có kiến thức và kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính các loại văn bản phổ biến trong hoạt động quản lý nhà nước.
41	LAW758	Family and Marital law / Luật Hôn nhân và Gia đình	Luật Hôn nhân và gia đình là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật nền tảng về hôn nhân và gia đình. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức một cách có hệ thống để đánh giá thực tiễn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; giải quyết tranh chấp, yêu cầu trong tố tụng dân sự liên quan lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
42	LAW768	Corporate finance law / Pháp luật tài chính doanh nghiệp	Pháp luật tài chính doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến quá trình tạo lập, quản lý, sử dụng vốn và tài sản của doanh nghiệp nhằm đạt được các mục tiêu do doanh nghiệp đặt ra, cũng như bảo đảm quyền lợi của chủ sở hữu cũng như các bên liên quan, từ đó góp phần bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, minh bạch, kiểm soát hiệu quả các hành vi gian lận, lạm dụng quyền lực của người quản lý, người điều hành công ty liên quan đến tài chính doanh nghiệp.
43	LAW767	Lawyer-in-house / Pháp chế Doanh nghiệp	Môn học cung cấp cho người học kiến thức về hoạt động pháp chế của doanh nghiệp từ mô hình tổ chức đến vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp liên quan đến phạm vi, giới hạn pháp lý hoạt động của doanh nghiệp, công cụ, phương tiện bảo vệ cổ đông, người lao động cũng như công chúng từ đó góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh doanh công bằng. Bên cạnh kiến thức, học phần cũng tập trung cung cấp, rèn luyện cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện một số hoạt động liên quan đến thiết lập các quy tắc, quy định trong nội bộ doanh nghiệp, và điều tiết, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn xung đột bên trong những như bên ngoài doanh nghiệp hướng tới mục tiêu doanh nghiệp hoạt động an toàn, hạn chế các rủi ro hoạt động cũng như bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp
44	LAW766	Skills of legal consulting in governing Companies /	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong quản trị doanh nghiệp được thiết kế là học phần tự chọn cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế, tiếng Anh bán phần của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Học phần này cung

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong quản trị công ty	cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật trong quản trị doanh nghiệp. Thông qua nội dung học phần sẽ giúp người học tiếp cận và nâng cao nhận thức về hoạt động tư vấn pháp luật trong doanh nghiệp, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản để tư vấn về tổ chức, quản trị điều hành doanh nghiệp.
45	LAW764	International Commerce Law 2/Luật Thương mại quốc tế 2	Môn học Luật thương mại quốc tế 2 là môn học tự chọn thuộc ngành Luật Kinh tế (tiếng Anh bán phần), được xây dựng nhằm mục đích trang bị cho người học kiến thức về những điểm khác biệt giữa giao dịch của các thương nhân trong nước và giao dịch giữa thương nhân trong nước với thương nhân nước ngoài; kiến thức về việc lựa chọn các loại nguồn luật áp dụng trong các giao dịch thương mại quốc tế, đặc biệt cung cấp nhiều kiến thức cần thiết về tập quán thương mại quốc tế; đồng thời môn học cũng cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về các giao dịch và chế độ pháp lý về một số loại hợp đồng trong thương mại quốc tế như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế,...; Học xong môn này, người học được trang bị những kỹ năng pháp lý cần thiết trong việc đàm phán, soạn thảo ký kết, thực hiện một số loại hợp đồng thương mại quốc tế.
46	LAW757	Secured transactions in credit granting activities / Giao dịch bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng	Giao dịch bảo đảm trong hoạt động ngân hàng là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học các nền tảng lý thuyết về rủi ro tín dụng và các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng. Sau khi học xong học phần, người học có thể vận dụng được các quy định pháp luật liên quan đến quá trình tạo lập giao dịch bảo đảm trong

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			hoạt động cấp tín dụng, từ chủ thể tham gia giao dịch, tài sản bảo đảm, lựa chọn biện pháp bảo đảm, xác lập, thực hiện và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh
47	LAW765	International Investment Law/Pháp luật về Đầu tư quốc tế	Học phần cung cấp cái nhìn toàn diện về pháp luật đầu tư quốc tế, xem xét các khung pháp lý điều chỉnh hoạt động đầu tư xuyên biên giới. Sinh viên sẽ nghiên cứu nguyên tắc, điều ước quốc tế về đầu tư, và vai trò của trọng tài quốc tế trong giải quyết tranh chấp. Các nội dung chính bao gồm: bảo hộ đầu tư, trung thu tài sản, đối xử công bằng và bình đẳng, đối xử quốc gia, và các cơ chế giải quyết tranh chấp. Học phần sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết tranh chấp đầu tư, cân bằng quyền lợi nhà đầu tư và chủ quyền quốc gia trong bối cảnh phát triển bền vững.
48	LAW760	Business Disputes Resolution Skills / Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh là môn học tự chọn chuyên ngành Luật Kinh tế, cung cấp cho sinh viên những kỹ năng để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại như các kỹ năng giải quyết tranh chấp bằng hòa giải, thương lượng hay các kỹ năng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hoặc tòa án. Môn học giúp sinh viên có kiến thức trong việc tư vấn cho khách hàng phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh phù hợp cũng như trang bị các kỹ năng cần thiết cho sinh viên trong việc thực hiện các kỹ năng giải quyết tranh chấp đó.
49	LAW773	Insurance business Law / Luật kinh doanh bảo hiểm	Môn Luật kinh doanh bảo hiểm nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, bảo hiểm con người, bảo

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
50	LAW778	Bachelor internship / Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần hướng dẫn sinh viên tham quan, khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động thực tiễn pháp lý liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khác. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên sẽ ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường, vào hoạt động kinh doanh cụ thể để hiểu rõ hơn lý thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho đơn vị tại nơi thực tập.
51	LAW753	Dissertations on Economic Law / Khoa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực pháp luật kinh tế. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức ngành, chuyên ngành luật kinh tế và phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn. Từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Qua học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng tìm kiếm, thu thập và chọn lọc tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

17.2. Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm: Các môn lý luận chính trị, Các môn khoa học cơ bản để giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng cần thiết để lĩnh hội kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

17.3. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: gồm hệ thống các môn học cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành để cung cấp cho sinh viên các kiến thức nghề nghiệp, tạo điều kiện thực hiện tốt các vị trí công việc. Các học phần thuộc kiến thức chuyên nghiệp được lồng ghép các kỹ năng nghề nghiệp.

17.4. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng An ninh: là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.5. Chuẩn tin học: sinh viên đạt một trong các điều kiện:

- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường. Sinh viên nộp các chứng chỉ tin học theo thông báo của Trường.

17.6. Chuẩn tiếng Anh

a) Điều kiện để học các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh: Sinh viên phải đạt yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp chứng chỉ/chứng chặn trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

b) Chuẩn tiếng Anh trong quá trình học.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PGS., TS. Nguyễn Đức Trung

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
P. TRƯỞNG KHOA (PT)

Nguyễn Ngọc Anh Đào